

BIỂU PHÍ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN THANH TOÁN/GÓI TÀI KHOẢN THANH TOÁN VÀ GIAO DỊCH TIỀN MẶT

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
A	GIAO DỊCH TKTT/ GÓI TKTT											
1	Mở TKTT/ gói TKTT		Miễn phí							01 tài khoản	A	
2	Số dư tối thiểu										A	
2.1	TKTT/ gói TKTT VND	50.000 VND	Không yêu cầu			25.000 VND	50.000 VND			01 tài khoản		
2.2	TKTT ngoại tệ		20 USD/ 20 EUR hoặc tương đương quy đổi bằng 20 USD đối với ngoại tệ khác							01 tài khoản		
3	Phí quản lý TKTT/ Gói TKTT										A	
3.1	TKTT VND	10.000 VND	Miễn phí			10.000 VND			01 tháng			

	<p>+ Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 2.000.000 VND trở lên;</p> <p>+ Miễn phí đối với cán bộ nhân viên PVcomBank và khách hàng Payroll của PVcomBank.</p>				
3.2	TKTT USD				
	+Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 200 USD trở lên		1 USD		01 tháng
3.3	Gói TKTT VND				
	+ Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 1.000.000 VND trở lên hoặc phát sinh ít nhất 3 giao dịch ghi có* trong 1 tháng từ 1 triệu VNĐ/giao dịch trở lên;	20.000 VND	Miễn phí	10.000 VND	01 tháng
	+ Miễn phí đối với cán bộ nhân viên, khách hàng Payroll của PVcomBank và khách hàng thuộc phân nhóm Ưu tiên và Chiến lược của PVcomBank				

	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu khách hàng mở TKTT từ ngày 01 đến ngày 25 của tháng (T) thì PVcomBank thu phí quản lý TKTT/Gói TKTT vào ngày 26 tháng (T + 01) - Nếu khách hàng mở TKTT vào ngày 26 trở đi của tháng (T) thì PVcomBank thu phí quản lý TKTT/Gói TKTT vào ngày 26 tháng (T + 02) 				
	(*) Các giao dịch (ghi có) <u>không</u> bao gồm: giao dịch hoàn phí, giao dịch nhận lãi từ TTK/GTCG/CCTG và giao dịch tất toán TTK/GTCG/CCTG				
4	Phí quản lý TKTT/ Gói TKTT không hoạt động				A
4.1	TKTT/gói TKTT VND không hoạt động trên 12 tháng:				
	+ Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 1.000.000 VNĐ trở lên.		10.000 VND	01 tháng	
4.2	TKTT USD không hoạt động trên 12 tháng.				
	+ Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 50 USD trở lên.		1 USD	01 tháng	
5	Phí quản lý tài khoản thấu chi				A
	- Tài khoản thấu chi				
	(Miễn phí quản lý TK thấu chi đối với: cán bộ nhân viên PVcomBank, khách hàng Payroll của PVcomBank)	25.000 VND	Miễn phí	25.000 VNĐ	01 tháng
6	TKTT/gói TKTT có số dư dưới mức tối thiểu		Không được hưởng lãi		

7	Đóng TKTT/gói TKTT						Thu phí đóng TK	A
7.1	TKTT mở dưới 12 tháng	50.000 VND/ 5 USD/ 5 EUR hoặc tương đương 5 USD quy đổi với các ngoại tệ khác	Miễn phí	Miễn phí	50.000 VND/ 5 USD/ 5 EUR hoặc tương đương 5 USD quy đổi với các ngoại tệ khác		01 tài khoản	
7.2	TKTT mở từ 12 tháng trở lên	Miễn phí					01 tài khoản	
8	Sao kê TKTT/sổ phụ hàng tháng						Theo yêu cầu KH	C
8.1	TKTT							
	- Sao kê trong thời gian <= 01 tháng	Miễn phí bản đầu tiên, từ bản thứ 02 trở đi: Mức phí thỏa thuận, tối thiểu 10.000 VND/01 bản	Miễn phí			Miễn phí bản đầu tiên, từ bản thứ 02 trở đi: Mức phí thỏa thuận, tối thiểu 5.000 VND/01 bản.	01 bản	
	- Sao kê trong thời gian > 01 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 10.000 VND	Miễn phí	5.000 VND	10.000 VND	10.000 VND	01 tháng /01 bản	
	<p><i>Trường hợp 1: khách hàng in sao kê 01 bản từ ngày 15/06/2023 đến 07/09/2023 (04 tháng) thì mức phí tối thiểu là 04 (tháng) x 10.000 VND = 40.000 VND (chưa VAT)</i></p> <p><i>Trường hợp 2: khách hàng in 04 bản sao kê từ ngày 01/06/2023 đến 30/06/2023 (01 tháng) thì miễn phí bản đầu tiên, 03 bản tiếp theo mức phí tối thiểu là 03 (bản) x 10.000 VND = 30.000 VND (chưa VAT)</i></p> <p><i>Trường hợp 3: khách hàng in 03 bản sao kê từ ngày 01/06/2023 đến 07/09/2023 (04 tháng) thì mức phí tối thiểu là 04 (tháng) x 03 (bản) x 10.000 VND = 120.000 VND (chưa VAT)</i></p>							
8.2	Gói TKTT	Miễn phí						
9	Sao lục chứng từ						Theo yêu cầu KH	C

9.1	TKTT										
	- Sao lục chứng từ vòng 01 tháng	Miễn phí									
	- Sao lục chứng từ trong vòng 06 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 20.000 VND	Miễn phí	5.000 VND	10.000 VND	15.000 VND	20.000 VND			01 chứng từ	
	- Sao lục chứng từ trên 06 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 40.000 VND	15.000 VND	20.000 VND	25.000 VND	30.000 VND	40.000 VND			01 chứng từ	
9.2	Gói TKTT										
	- Sao lục chứng từ trong vòng 01 tháng	Miễn phí								01 chứng từ	
	- Sao lục chứng từ trong vòng 06 tháng	Miễn phí								01 chứng từ	
	- Sao lục chứng từ trên 06 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 40.000 VND	15.000 VND	20.000 VND	25.000 VND	30.000 VND	30.000 VND	35.000 VND	40.000 VND	01 chứng từ	
10	Fax chứng từ									Theo yêu cầu KH	C
10.1	TKTT										
	- Người nhận cùng tỉnh/thành phố nơi quản lý TKTT	Thỏa thuận tối thiểu 3.000 VND	Miễn phí			3.000 VND			01 chứng từ		
	- Người nhận khác tỉnh/thành phố nơi quản lý TKTT	Thỏa thuận tối thiểu 5.000 VND	3.000 VND			5.000 VND			01 chứng từ		
10.2	Gói TKTT	Miễn phí									
11	Dịch vụ phong tỏa/tạm khóa TKTTT theo yêu cầu PVcomBank hoặc cơ quan có thẩm quyền	Miễn phí								01 lần	

12	Dịch vụ tạm khoá TKTT theo yêu cầu của KH								C
12.1	TKTT	Thỏa thuận tối thiểu 50.000 VND	Miễn phí			50.000 VND		01 lần	
12.2	Gói TKTT	Miễn phí	Miễn phí			Miễn phí		01 lần	
13	Xác nhận thông tin TKTT bằng văn bản:							Theo yêu cầu KH	C
13.1	TKTT								
	- Hai bản đầu tiên	Thỏa thuận tối thiểu 30.000 VND	Miễn phí	Thỏa thuận, tối thiểu 10.000 VND	Thỏa thuận, tối thiểu 20.000 VND	30.000 VND		01 lần	
	- Từ bản thứ ba trở đi	Thỏa thuận tối thiểu 10.000 VND	Miễn phí	Thỏa thuận, tối thiểu 5.000 VND		10.000 VND		01 bản	
13.2	Gói TKTT					Miễn phí			
14	Giao dịch khác liên quan đến TKTT								C
14.1	TKTT								
	- Giải quyết hồ sơ nhận thừa kế					Thỏa thuận tối thiểu 50.000 VND		hồ sơ	
	- Lập giấy ủy quyền giao dịch TKTT					50.000 VND		01 lần	
14.2	Gói TKTT					Miễn phí			
B	GIAO DỊCH TIỀN MẶT								
I	TIỀN MẶT VND								
1	Nộp tiền mặt vào TKTT							Thu từ DV ngân quỹ	C
1.1	TKTT								
	- Cùng tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK					Miễn phí			

	- Khác tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK					
	+ Chính chủ tài khoản nộp tiền mặt	Miễn phí				
	+ Khác chủ tài khoản nộp tiền mặt	0,02% số tiền giao dịch. Tối thiểu: 10.000 VND; tối đa: 1.000.000 VND	Miễn phí	0,02% *Số tiền giao dịch. Tối thiểu: 10.000 VND; tối đa: 1.000.000 VND	Số tiền giao dịch	
1.2	Gói TKTT	Miễn phí				
2	Rút tiền mặt từ TKTT					C
2.1	TKTT					
	- Cùng tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK	Miễn phí				
	- Khác tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK	0,03%*Số tiền giao dịch. Tối thiểu 15.000 VND; tối đa: 1.000.000 VND	Miễn phí	0,02%Tối thiểu: 10.000 VNDTối đa: 1.000.000 VND	0,03%*Số tiền giao dịch. Tối thiểu 15.000 VND; tối đa: 1.000.000 VND	Số tiền giao dịch
2.2	Gói TKTT	Miễn phí				
	<p>- Trường hợp khách hàng rút tiền mặt hoặc chuyển tiền đi trong (khác CIF) và ngoài hệ thống trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản/gói tài khoản thì bị thu thêm phí kiểm đếm. Ví dụ: KH nộp tiền mặt vào ngày thứ 7 (03/02/2018). nếu thứ 2 (05/02/2018) khách hàng rút tiền mặt/chuyển tiền đi, PVcomBank sẽ thu phí đối với giao dịch nộp tiền mặt. Nếu khách hàng chuyển tiền vào ngày thứ 3 (06/02/2018) trở đi, PVcomBank sẽ không thu phí đối với giao dịch nộp tiền mặt.</p>					
	- Miễn phí rút tiền mặt từ TKTT/gói TKTT đối với trường hợp Khách hàng vay cầm cố TTK/GTCG/CCTG.					
II	TIỀN MẶT NGOẠI TỆ					
1	Nộp tiền mặt vào TKTT ngoại tệ				Thu từ DV ngân quỹ	A

	- Tiền mặt loại 50 USD trở lên	0,17%*Số tiền giao dịch, tối thiểu 2 USD	Số tiền giao dịch	
	- Tiền mặt loại 20 USD trở xuống	0,3%*Số tiền giao dịch, tối thiểu 3 USD	Số tiền giao dịch	
	- Tiền mặt loại 1, 2 USD	0,5%*Số tiền giao dịch, tối thiểu 3 USD	Số tiền giao dịch	
	- Ngoại tệ khác	0,5%*Số tiền giao dịch, tối thiểu 5 USD	Số tiền giao dịch	
2	Rút tiền mặt từ TKTT ngoại tệ		Thu từ DV ngân quỹ	B
	- Rút tiền mặt bằng VND	Theo phí giao dịch TK VND (Mục B.I.2)	Số tiền quy đổi	
	- Rút ngoại tệ mặt	0,15%*Số tiền giao dịch, tối thiểu 2 USD	Số tiền giao dịch	

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám đốc quyết định
3. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
5. Đối với các khoản phí tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí
6. Khách hàng thông báo trước cho PVcomBank ½ ngày làm việc nếu rút số tiền mặt ngoại tệ trên 10.000 USD, báo trước 1 ngày làm việc nếu số tiền trên 50.000 USD.
7. Khi thực hiện các nghiệp vụ quy định tại biểu phí này, các chi phí phát sinh như bưu phí, điện phí và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được thu theo thực tế phát sinh.
8. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do Khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các Ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
9. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
10. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
11. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời kỳ
12. Trường hợp KH đã được giảm phí: Nếu mức phí sau khi được giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu.